

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TỔNG CÔNG TY
QUÝ I/2020



Hà Nội - Tháng 04 năm 2020

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO KỶ KẾ TOÁN 31 THÁNG 3 NĂM 2020	
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2020	3 - 4
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày 31 tháng 3 năm 2020	5
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tại ngày 31 tháng 3 năm 2020	6-7
Thuyết minh Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2020	8 - 34

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính quý 1 của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2020- 31/03/2020.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONGHONG JOINT STOCK CORPORATION.
Tên viết tắt là : SONGHONG CORP
Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (Hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Huyền Linh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
	Ông Lê Xuân Thi	Phó Chủ tịch
	Ông Phạm Văn Nghĩa	Thành viên
	Ông Lã Tuấn Hưng	Thành viên
	Ông Phan Việt Anh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lã Tuấn Hưng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Trần Anh Tài	Trưởng ban kiểm soát
	Ông Cao Tiến Trung	Thành viên

Kế toán trưởng Bà Nguyễn Thị Nhung

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính chơ năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/3/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho quý 1, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, *LS*



Lã Tuấn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất – Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2020

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/03/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		967,200,322,178	900,919,567,539
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	11,170,777,464	11,427,089,703
1. Tiền	111		11,170,777,464	11,427,089,703
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		400,000,000	400,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		400,000,000	400,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		517,880,551,649	460,733,692,449
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	226,733,167,690	218,343,968,178
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	365,607,294,796	289,265,167,636
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	245,647,042,272	194,427,849,805
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(325,829,745,282)	(244,847,920,468)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	5,722,792,173	3,544,627,298
IV. Hàng tồn kho	140		404,282,072,278	409,956,746,203
1. Hàng tồn kho	141	5.7	404,282,072,278	409,956,746,203
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33,466,920,787	18,402,039,184
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	3,228,843,087	3,393,349,775
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15,450,734,185	14,907,333,040
3. Thuế và các khoản khác phải thu	153	5.9	-	101,356,369
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	5.10	14,787,343,515	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+ 240+250+260)	200		477,308,229,423	484,081,459,258
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		300,509,853,740	302,889,853,740
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	300,509,853,740	302,889,853,740
II. Tài sản cố định	220		6,581,856,566	6,469,327,542
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.12	6,581,856,566	6,469,327,542
- Nguyên giá	222		76,336,528,909	77,459,476,896
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69,754,672,343)	(70,990,149,354)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		10,700,000	10,700,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10,700,000)	(10,700,000)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	56,257,899,457	56,257,899,457
1. Nguyên giá	231		56,257,899,457	56,257,899,457
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		37,969,757,459	38,061,852,040
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	37,969,757,459	38,061,852,040
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	67,080,425,799	70,718,993,297
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.14	84,030,709,344	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		194,296,364,580	63,899,879,355
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9,909,113,942	9,519,113,942
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(221,155,762,067)	(2,700,000,000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8,908,436,402	9,683,533,182
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	8,908,436,402	9,683,533,182
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1,444,508,551,601	1,385,001,026,797

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất – Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2020


Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/03/2020	01/01/2020
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2,127,807,533,027	2,051,181,861,096
I. Nợ ngắn hạn	310		1,678,767,128,360	1,516,016,588,191
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	321,420,770,045	312,601,951,442
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	154,275,309,113	75,778,163,523
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	29,308,410,586	28,702,090,364
4. Phải trả người lao động	314		17,602,886,412	17,908,969,629
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	669,337,627,101	659,378,832,542
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	177,216,214,781	115,314,151,369
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	309,124,144,414	305,850,663,414
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		268,233,346	268,233,346
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		213,532,562	213,532,562
II. Nợ dài hạn	330		449,040,404,667	535,165,272,905
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.17	29,339,344,633	29,339,344,633
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	177,626,072,033	263,750,940,271
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	3,100,000,000	3,100,000,000
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.18	238,974,988,001	238,974,988,001
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		(683,298,981,426)	(666,180,834,299)
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	(683,303,724,426)	(666,185,577,299)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		270,000,000,000	270,000,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		270,000,000,000	270,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24,126,376,429	24,126,376,429
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1,072,018,933	1,072,018,933
4. Cổ phiếu quỹ	415		(390,000,000)	(390,000,000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		26,293,456,226	26,413,502,573
6. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	419		25,981,000	25,981,000
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6,813,329,139	6,158,136,532
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(990,740,084,544)	(973,087,111,579)
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối</i>	421a		(973,087,111,579)	(900,231,432,001)
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(17,652,972,965)	(72,855,679,578)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(20,504,801,609)	(20,504,481,187)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4,743,000	4,743,000
1. Nguồn kinh phí	432		4,743,000	4,743,000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,444,508,551,601	1,385,001,026,797
(440 = 300+400)				

Người lập



Nguyễn Thị Khánh Hậu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhung

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2020

Tổng Giám đốc





Nguyễn Tuấn Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	31/03/2020	31/03/2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	16,385,053,607	15,903,590,874
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		16,385,053,607	15,903,590,874
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	15,815,694,255	14,685,552,233
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		569,359,352	1,218,038,641
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	33,993,021	106,072,801
7. Chi phí tài chính	22	5.24	13,841,012,089	21,345,713,072
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13,841,012,089	21,345,713,072
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			14,492,950
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.25	3,981,951,425	4,551,277,977
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(17,219,611,141)	(24,558,386,657)
12. Thu nhập khác	31	5.26	61,900,000	1,372,456,442
13. Chi phí khác	32	5.26	495,261,824	39,565,284
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(433,361,824)	1,332,891,158
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(17,652,972,965)	(23,225,495,499)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(17,652,972,965)	(23,225,495,499)


Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Khánh Hậu

Nguyễn Thị Nhung

Lê Tuấn Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
		đến 31/03/2020	đến 31/03/2019
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(17,652,972,965)	(23,225,495,499)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	378,838,044	1,071,141,568
- Các khoản dự phòng	03	264,158,000	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(30,043,917)	(106,072,801)
- Chi phí lãi vay	06	13,844,949,813	21,860,000,000
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3,195,071,025)	(400,426,732)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	118,977,377,383	3,892,550,757
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7,947,834,689	692,506,573
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(121,338,144,946)	(5,093,484,849)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1,047,984,428	1,049,790,422
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	18,648,580
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3,439,980,529	159,584,751
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3,726,348,065)	(54,378,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30,055,297	878,458
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3,696,292,768)	(53,499,542)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(128,559,626)
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(128,559,626)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(256,312,239)	(22,474,417)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11,427,089,703	10,548,635,463
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	11,170,777,464	10,526,161,046

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

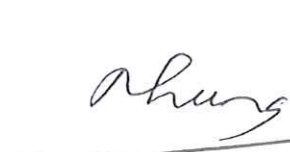
Báo cáo tài chính hợp nhất – Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2020

Người lập



Nguyễn Thị Khánh Hậu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhung



Tổng Giám đốc



Lã Tuấn Hưng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONGHONG JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt là : SONGHONG CORP

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (Hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cầu cống, thủy điện, buru điện, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình đường dây và trạm biến thế, các công trình thăm lục địa, cảng sông, cảng biển; Xây dựng lắp đặt hệ thống nước y tế, khí sạch, thiết bị thí nghiệm, xử lý môi trường trong các công trình y tế;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Lập trình máy vi tính;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất – Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty, đơn vị	% sở hữu thực tế
Đầu tư vào Công ty con	
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	55,73%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	65,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	66,31%
Công ty CP XD dân dụng và hạ tầng Sông Hồng	66,31%
Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc và Đô thị Sông Hồng	51,00%
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	100%
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	100%
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	48,91%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	48,75%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	43,25%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung	35,50%
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	32,90%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	25,11%
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Sông Hồng	22,79%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	21%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 10	20%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 8	20%
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Sông Hồng 9	20%

Các đơn vị trực thuộc:**Địa chỉ**

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng	Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Ban điều hành Dự án Xây dựng gói thầu DH 1.6	Tiểu khu 11, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
Ban điều hành thi công gói thầu số 3 - Dự án thoát nước Hà Nội	Số 70 An Dương, Yên Phụ, Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	Thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

2. NĂM TÀI CHÍNH/ KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung và ghi sổ bằng máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hoạt động liên tục

Tại ngày 31/03/2019 lỗ lũy kế 931,3 tỷ đồng, âm vốn chủ sở hữu 603,8 tỷ đồng nợ tín dụng xấu nên Tổng Công ty không đủ điều kiện về năng lực để tham gia các gói thầu nhằm tạo việc làm và nguồn tài chính cho Công ty mẹ và các Công ty thành viên. Doanh thu và sản lượng chủ yếu của các công trình chuyển tiếp dở dang từ các năm trước chuyển sang có hiệu quả thấp, lãi vay lớn. Công ty mẹ và tổ hợp các Công ty thành viên vẫn tiếp tục mất khả năng thanh toán nghiêm trọng do nợ phải trả tiếp tục tăng từ phát sinh lãi vay phải trả cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I, nợ phải trả liên quan đến các Nghĩa vụ bảo lãnh cho các Công ty con.

Để khắc phục tình trạng này, Ban Tổng Giám đốc đã và đang thực hiện các biện pháp như sau:

- Tái cơ cấu Tổng Công ty thông qua việc chuyển nhượng phần vốn tại các công ty con, công ty liên kết theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo số 221/TB-BXD ngày 06/06/2018 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng trong việc thoái vốn Nhà nước của Tổng Công ty Sông Hồng về mức 36% hoặc Bộ Xây dựng phải bán hết vốn Nhà nước vào năm 2018.
- Quyết toán các công trình tồn đọng và thu hồi công nợ.
- Tăng vốn điều lệ theo Phương án tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 270 tỷ đồng lên 450 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 63/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/08/2018 bằng cách phát hành cổ phiếu phổ thông.

Bằng các biện pháp trên, cùng với sự hỗ trợ của Cổ đông lớn là Bộ Xây dựng, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận ban đầu bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-15
Máy móc và thiết bị	03-08
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thuê đồ gá: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Tổng Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Tổng Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2020	31/03/2019
	VND	VND
Tiền mặt	2,780,887,623	3,434,461,484
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8,389,889,841	7,091,699,562
Tổng	11,170,777,464	10,526,161,046

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2020	31/03/2019
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	226,733,167,690	194,936,507,005
Tập đoàn dệt may Việt Nam	7,072,391,072	14,465,467,853
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành	-	1,000,000
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	-	11,502,373,219
Công ty Cổ phần Bất động sản Đông Đô - Bộ Quốc Phòng	8,960,508,339	17,278,298,100
Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh	-	312,446,279
Các đối tượng khác	210,700,268,279	151,376,921,554
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan <i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)</i>	-	-
Tổng	226,733,167,690	194,936,507,005

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2020	31/03/2019
	VND	VND
Trả trước người bán ngắn hạn	365,607,294,796	365,982,364,940
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	126,390,086,131	126,390,086,131
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24 (SH Đà Nẵng)	43,574,509,655	43,574,509,655
Đối tượng khác	195,642,699,010	196,017,769,154
Trả trước người bán là các bên liên quan <i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)</i>	-	-
Tổng	365,607,294,796	365,982,364,940

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất – Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.4 Phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	31/03/2020		31/03/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	245,647,042,272	(81,522,666,440)	195,070,818,959	(81,522,666,440)
Tạm ứng	17,967,580,732	(5,133,684,018)	34,229,539,986	(5,133,684,018)
Ký cược, ký quỹ	209,188,415	-	209,188,415	-
Phải thu về	5,115,072,141	-	5,115,072,141	-
Cổ phần hóa	-	-	-	-
Phải thu khác:	-	-	-	(76,388,982,422)
<i>Công ty Cổ phần Sông Hồng 6</i>	<i>27,893,362,959</i>	<i>(27,893,362,959)</i>	<i>27,893,362,959</i>	<i>(27,893,362,959)</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>194,461,838,025</i>	<i>(48,495,619,463)</i>	<i>127,623,655,458</i>	<i>(48,495,619,463)</i>
b) Dài hạn	300,509,853,740	-	299,616,365,275	-
Ký cược, ký quỹ	8,837,178,097	-	8,837,178,097	-
Ban QLDA Thái Hà	284,535,326,978	-	284,535,326,978	-
Các khoản khác	7,137,348,665	-	6,243,860,200	-
Tổng	546,156,896,012	(81,522,666,440)	494,687,184,234	(81,522,666,440)

5.5 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/03/2020		31/03/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1,042,200	-	18,944,486	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	32	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	365,501,030,078	-	378,456,803,249	-
Hàng hoá BĐS	38,780,000,000	-	38,780,000,000	-
Tổng	404,282,072,278	-	417,255,747,767	-

(i): Khoản mục "Hàng tồn kho" là lô đất tại Khu biệt thự Tây Hồ đã được chuyển nhượng và khoản tiền nhận được từ việc bán lô đất này ghi nhận trên khoản mục "Người mua trả tiền trước" trên Báo cáo tài chính, số tiền 38.780.000.000 VND.

5.6 Chi phí trả trước

	31/03/2020	31/03/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3,228,843,087	3,261,434,534
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	3,228,843,087	3,261,434,534
b) Dài hạn	8,908,436,402	13,046,638,510
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	244,289,390
Giá trị thương hiệu TCT Cổ phần Sông Hồng	333,333,320	933,333,320
Lợi thế thương mại:	8,575,103,082	-
<i>Lợi thế lô đất Số 70 An Dương, Hà Nội</i>	<i>8,352,627,739</i>	<i>11,054,095,767</i>
<i>Lợi thế tại lô đất Chi nhánh Lào Cai</i>	<i>222,475,343</i>	<i>222,475,343</i>
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	592,444,690
Tổng	12,137,279,489	16,308,073,044

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất – Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7 Tài sản cố định hữu hình

MẪU B 09- DN

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2020	20,055,650,992	42,843,843,429	13,540,031,827	1,019,950,648	77,459,476,896
Tăng trong năm	-	-	-	857,449,052	857,449,052
Sửa chữa hoàn thành	-	-	-	857,449,052	857,449,052
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/03/2020	20,055,650,992	42,843,843,429	13,540,031,827	1,877,399,700	78,316,925,948
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2020	15,999,341,819	41,528,978,752	12,670,754,247	791,074,536	70,990,149,354
Tăng trong năm	128,067,276	514,422,456	102,430,296	-	744,920,028
Khấu hao trong năm	128,067,276	514,422,456	102,430,296	-	744,920,028
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/03/2020	16,127,409,095	42,043,401,208	12,773,184,543	791,074,536	71,735,069,382
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2020	4,056,309,173	1,314,864,677	869,277,580	228,876,112	6,469,327,542
Số dư tại 31/03/2020	3,928,241,897	800,442,221	766,847,284	1,086,325,164	6,581,856,566

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất – Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09- DN

5.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

01/01/2020

31/03/2020

	31/03/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con	84,030,709,344	(84,030,709,344)	84,030,709,344	(84,030,709,344)
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	30,000,000,000	(30,000,000,000)	30,000,000,000	(30,000,000,000)
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	26,590,013,503	(26,590,013,503)	26,590,013,503	(26,590,013,503)
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	16,681,874,581	(16,681,874,581)	16,681,874,581	(16,681,874,581)
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	6,500,000,000	(6,500,000,000)	6,500,000,000	(6,500,000,000)
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	2,786,500,000	(2,786,500,000)	2,786,500,000	(2,786,500,000)
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng	1,472,321,260	(1,472,321,260)	1,472,321,260	(1,472,321,260)
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	-	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô	-	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	191,916,364,580	(134,425,052,723)	191,916,364,580	(134,425,052,723)
Công ty CP Thép Sông Hồng	102,000,000,000	(102,000,000,000)	102,000,000,000	(102,000,000,000)
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	36,498,220,000	(2,988,020,725)	36,498,220,000	(2,988,020,725)
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	11,035,058,830	-	11,035,058,830	-
Công ty CP Sông Hồng 36	9,750,000,000	(9,750,000,000)	9,750,000,000	(9,750,000,000)
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	7,100,000,000	-	7,100,000,000	-
Công ty CP Đầu tư TM và XD Công trình Giao thông Hà Nội	6,000,000,000	(1,490,909,879)	6,000,000,000	(1,490,909,879)
Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	5,250,000,000	(5,250,000,000)	5,250,000,000	(5,250,000,000)
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	5,022,404,482	(5,022,404,482)	5,022,404,482	(5,022,404,482)
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	4,000,000,000	(4,000,000,000)	4,000,000,000	(4,000,000,000)
Công ty CP Đầu tư và KD Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	2,200,000,000	(2,200,000,000)	2,200,000,000	(2,200,000,000)
Công ty CP Sông Hồng Bình Tây	1,696,000,000	(1,696,000,000)	1,696,000,000	(1,696,000,000)
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	1,000,000,000	-	1,000,000,000	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	364,681,268	(27,717,637)	364,681,268	(27,717,637)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất – Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

MÀU B 09-DN

Đơn vị tính: VND

	31/03/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Lý lý (*)	Giá gốc	Lý lý (*)
c) Đầu tư dài hạn khác	VND	VND	VND	VND
	8,028,713,942	(2,700,000,000)	8,028,713,942	(2,700,000,000)
Công ty CP Xây dựng Sông Hồng	1,038,110	-	1,038,110	-
Công ty CP Nhóm Sông Hồng	1,264,586,273	-	1,264,586,273	-
Công ty cổ phần công nghệ và xây dựng Sông Hồng	500,000,000	-	500,000,000	-
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Sông Hồng	1,563,089,559	-	1,563,089,559	-
Công ty CP Sông Hồng Đại Phát	1,000,000,000	(1,000,000,000)	1,000,000,000	(1,000,000,000)
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	2,000,000,000	-	2,000,000,000	-
Công ty CP TM và Xây lắp Sông Hồng	1,700,000,000	(1,700,000,000)	1,700,000,000	(1,700,000,000)
(Công ty CP Sông Hồng 6)				
Tổng	283,975,787,866	(221,155,762,067)	283,975,787,866	(221,155,762,067)

Công ty con, Công ty liên kết là các công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết bằng các Phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất – Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 Tài sản dở dang dài hạn

	31/03/2020	31/03/2019
	VND	VND
Khách sạn Royal Sông Hồng (ii)	35,602,635,193	35,602,635,193
Dự án Lĩnh Nam	502,947,394	322,006,182
Dự án khác	1,864,174,872	1,819,905,817
Tổng	37,969,757,459	37,744,547,192

(ii): Dự án Khách sạn Royal Sông Hồng được thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-HĐQT-TCT ngày 03/04/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng với tổng mức vốn đầu tư là 36,7 tỷ đồng. Thời gian thực hiện kéo dài hơn so với kế hoạch (18 tháng). Công văn số 2240/BXD-KHTC ngày 20/09/2017 của Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương cho phép Tổng Công ty tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng dự án.

5.10 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/03/2020		31/03/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	321,420,770,045	-	304,516,621,245	-
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	42,027,229,051		42,101,417,851	
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	19,913,332,099		30,955,610,389	
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	18,041,860,622		18,041,860,622	
Công ty CP Công Nghiệp Tàu Thủy Đông Bắc	28,493,447,615		28,493,447,615	
Đối tượng khác	212,944,900,658		184,924,284,768	
Phải trả người bán là các bên liên quan				
Tổng	321,420,770,045	-	304,516,621,245	-

5.11 Người mua trả tiền trước

Đơn vị tính: VND

	31/03/2020	31/03/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	154,275,309,113	149,913,004,806
Dự án biệt thự Tây Hồ	24,655,500,000	38,780,000,000
Đối tượng khác	129,619,809,113	111,133,004,806
Tổng	154,275,309,113	149,913,004,806

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất – Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	31/03/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/03/2020
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	28,915,081,098	3,688,111,641	817,732,013	29,308,410,586
Thuế giá trị gia tăng	22,796,130,953	8,207,550,235	441,627,866	28,083,003,182
Thuế thu nhập doanh nghiệp	297,052,219	(295,013,424)	-	2,038,795
Thuế thu nhập cá nhân	381,903,718	140,218,625	251,673,770	270,448,573
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2,315,524,400	(2,219,371,145)	96,153,255	-
Các loại thuế khác	373,417,980	6,000,000	8,000,000	371,417,980
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2,753,051,828	(2,151,272,650)	20,277,122	581,502,056

5.13 Chi phí phải trả

	31/03/2020	31/03/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	669,337,627,101	623,221,559,938
Chi phí lãi vay phải trả	310,543,469,782	280,388,150,729
Trích trước giá vốn Bất động sản đầu tư	84,790,344,369	
Trích trước giá vốn công trình xây lắp (iii)	233,626,093,012	341,434,085,940
Chi phí khác	40,377,719,938	1,399,323,269
b) Dài hạn	29,339,344,633	29,339,344,633
Lãi vay phải trả	29,339,344,633	29,339,344,633
Tổng	698,676,971,734	652,560,904,571

Chi phí trích trước vào giá vốn các công trình chưa có hóa đơn GTGT và chưa được Tổng Công ty quyết toán tại ngày 31/03/2020.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất – Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.14 Phải trả khác

	31/03/2020	31/03/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	177,216,214,781	120,082,590,079
Kinh phí công đoàn	933,454,041	944,529,167
Bảo hiểm xã hội;	5,402,223,420	5,288,495,731
Bảo hiểm y tế	750,315,439	715,933,702
Phải trả về cổ phần hóa	4,176,729,883	4,176,729,883
Bảo hiểm thất nghiệp	263,978,604	167,370,320
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	40,477,647	120,477,647
Các khoản phải trả khác	165.649.035.747	108.669.053.629
Tổng	177,216,214,781	120,082,590,079

5.15 Dự phòng phải trả dài hạn

	31/03/2020	01/01/2020
	VND	VND
Dài hạn		-
Công ty TNHH MTV Quản lý của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC)	238,974,988,001	-
Tổng	238,974,988,001	-

Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội về việc tiếp tục thi hành Quyết định thi hành án số 492/QĐ-CCTHADS ngày 22/08/2018: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng phải trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) số tiền 238.974.988.001 đồng và còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc (95,43 tỷ đồng) chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/06/2017).

Thông báo số 01/TB-TANDCC-KDTM ngày 02/01/2019 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội v/v: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng không có căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất – Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.16 Vay và nợ thuê tài chính**

Mẫu B 09 - DN

	31/03/2020		Phát sinh trong kỳ		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn	309,124,144,414		12,106,253,900	3,176,772,900	300,194,663,414	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	67,378,692,253		-	-	67,378,692,253	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	34,221,454,880		-	-	34,221,454,880	
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh (vì)	191,809,390,313		-	-	191,809,390,313	
Vay đối tượng khác	15,714,606,968		12,106,253,900	3,176,772,900	6,785,125,968	
b) Vay dài hạn	3,100,000,000		3,100,000,000	600,000,000	600,000,000	
Đối tượng khác	3,100,000,000		3,100,000,000	600,000,000	600,000,000	
Tổng	312,224,144,414		15,206,253,900	3,776,772,900	300,794,663,414	

(iii): Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0036/2011/HĐTD1 ngày 01 tháng 12 năm 2011 vay Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh với tổng hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND. Dư nợ tín dụng tính đến thời điểm 31/12/2015 là 193.102.141.087 VND. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011. Lãi suất theo quy định của OceanBank tại từng thời điểm giải ngân. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động và cấp bảo lãnh cho bên B phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng chấp thuận đề Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh quản lý nguồn thu từ việc thực hiện thi công các hạng mục xây dựng thuộc hợp đồng EPC - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Căn cứ theo phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng lần thứ 6 ngày 26/11/2014, khoản vay được gia hạn tới ngày 31/01/2016, lãi và gốc được trả một lần khi đáo hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất – Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

MẤU B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	270,000,000,000	24,126,376,429	1,072,018,933	(390,000,000)	26,413,502,573	25,981,000	6,158,136,532	(891,923,309,548)	(20,474,603,750)	(584,991,897,831)
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,072,018,933
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	-	-	1,072,018,933	-	-	-	-	-	-	1,072,018,933
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗi trong năm	-	-	-	-	865,425,906	-	552,280,987	405,206,848,330	8,690,709,730	415,315,264,953
Giảm do thoái vốn	-	-	-	-	865,425,906	-	-	382,862,344,112	4,682,885,731	387,545,229,843
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	552,280,987	22,344,504,218	4,007,823,999	4,873,249,905
Số dư tại 31/12/2019	270,000,000,000	24,126,376,429	1,072,018,933	(390,000,000)	26,413,502,573	25,981,000	6,158,136,532	(973,087,111,579)	(20,504,481,187)	(666,185,577,299)
Số dư tại 01/01/2020	270,000,000,000	24,126,376,429	1,072,018,933	(390,000,000)	26,413,502,573	25,981,000	6,158,136,532	(973,087,111,579)	(20,504,481,187)	(666,185,577,299)
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	655,192,607	-	-	655,192,607
Giảm trong năm	-	-	-	-	120,046,347	-	-	-	-	120,046,347
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nhận bản giao từ Ban NXB	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	120,046,347	-	-	-	-	120,046,347
Số dư tại 31/03/2020	270,000,000,000	24,126,376,429	1,072,018,933	(390,000,000)	26,293,456,226	25,981,000	6,813,329,139	(990,740,084,544)	(20,504,481,187)	(683,303,404,004)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2020	01/01/2020
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	132,412,000,000	132,412,000,000
Phan Việt Anh	40,319,780,000	40,319,780,000
Phạm Thị Phương Thúy	29,874,000,000	29,874,000,000
Lã Tuấn Hưng	25,000,000,000	25,000,000,000
Cổ đông khác	42,394,220,000	42,394,220,000
Tổng	270,000,000,000	270,000,000,000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	270,000,000,000	270,000,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ		65,219,780,000
Vốn góp giảm trong kỳ		65,219,780,000
Vốn góp tại cuối kỳ	270,000,000,000	270,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/03/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27,000,000	27,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27,000,000	27,000,000
Cổ phiếu phổ thông	27,000,000	27,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27,000,000	27,000,000
Cổ phiếu phổ thông	27,000,000	27,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10,000	10,000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất – Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	31/03/2020	31/03/2019
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5,944,335,910	15,903,590,874
Doanh thu bán hàng hóa		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	10,440,717,697	
Tổng	16,385,053,607	15,903,590,874

5.20 Giá vốn hàng bán

	31/03/2020	31/03/2019
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hợp đồng xây dựng	15,815,694,255	14,685,552,233
Tổng	15,815,694,255	14,685,552,233

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	31/03/2020	31/03/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	33,993,021	106,072,801
Cổ tức lợi nhuận được chia		
Lãi bán đầu giá cổ phần		
Lãi chậm trả từ nợ phải thu		
Tổng	33,993,021	106,072,801

5.22 Chi phí tài chính

	31/03/2020	31/03/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13,841,012,089	21,345,713,072
Dự phòng đầu tư dài hạn		-
Chi phí hoạt động tài chính khác		-
Tổng	13,841,012,089	21,345,713,072

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	31/03/2020	31/03/2019
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,981,951,425	5,830,043,858
Chi phí nhân viên quản lý	2,912,965,671	3,524,924,652
Chi phí vật liệu quản lý		74,039,571
Chi phí đồ dùng văn phòng	200,000,000	20,276,365
Chi phí khấu hao TSCĐ	744,920,028	1,052,656,977
Thuế, phí và lệ phí	3,165,267	30,016,832
Chi phí dự phòng		69,013,817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88,209,459	265,581,382
Chi phí bằng tiền khác	32,691,000	793,534,262

5.24 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	31/03/2020	31/03/2019
	VND	VND
Thu nhập khác		
Tiền cho thuê mặt bằng, văn phòng		
Công nợ được xóa		
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ		
Chuyển nhượng dự án		
Thu nhập khác	61,900,000	1,372,456,442
Tổng	61,900,000	1,372,456,442
Chi phí khác		
Chi phí phạt chậm nộp BHXH, phạt VPHC về lĩnh vực thuế		
Chi phí quản lý, vận hành chung cư	-	
Chuyển nhượng dự án	-	
Khấu hao Tài sản cố định cho thuê	-	
Chi phí khác	495,261,824	39,565,284
Tổng	495,261,824	39,565,284
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(433,361,824)	1,332,891,158

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 31/03/2019	đến 31/03/2018
		VND	VND
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT và Ban kiểm soát	Lương, thù lao	323,500,000	376.773.497

Giao dịch với bên liên quan khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
		đến 31/03/2020	đến 31/03/2019
		VND	VND
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT và Ban kiểm soát	Lương, thù lao	-	323,500,000

Giao dịch với bên liên quan khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/03/2020	
		VND	
Giao dịch bán hàng			
Công ty con			
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Bán hàng	34,380,993	269,100,250
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Bán hàng		-
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Bán hàng	301,585,267	359,330,745
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Bán hàng	601,065	150,780,000
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Bán hàng		4,006,891
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Bán hàng		30,000,000
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Bán hàng	54,483,652	-
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Bán hàng		194,183,880
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Bán hàng		-
Giao dịch mua hàng			
Công ty con			
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Thuê thi công	5,436,270,859	
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Thuê thi công	4,444,726,363	
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Thuê thi công		2,155,756,760
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Thuê thi công		-
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	Thuê thi công		-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất – Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)**Số dư với bên liên quan khác**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/03/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty con			
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Phải thu khách hàng	7,594,011,252	7,594,011,252
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô	Phải thu khách hàng	164,906,606	164,906,606
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	8,601,928,561	8,601,928,561
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông	Phải thu khách hàng	-	-
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Phải thu khách hàng	-	-
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải thu khách hàng	-	-
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khách hàng	205,990,037	205,990,037
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	Phải thu khách hàng	13,776,454	13,776,454
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu khách hàng	13,505,443,049	13,505,443,049
Công ty CP Sông Hồng Bình Tây	Phải thu khách hàng	573,870,335	573,870,335
Công ty CP Thép Sông Hồng	Phải thu khách hàng	3,897,962,892	3,897,962,892
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải thu khách hàng	460,501,447	460,501,447
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải thu khách hàng	-	-
Công ty con			
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Trả trước người bán	19,132,576,433	19,132,576,433
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Trả trước người bán	307,203,000	307,203,000
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Trả trước người bán	6,843,008,120	6,843,008,120
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Trả trước người bán	43,574,765,655	43,574,765,655
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Trả trước người bán	30,000,000	30,000,000
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Trả trước người bán	-	-
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	6,000,000,000	6,000,000,000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	-	-
Công ty CP Sông Hồng 36	Trả trước người bán	7,100,654,421	7,100,654,421
Công ty CP Thép Sông Hồng	Trả trước người bán	2,800,000,000	2,800,000,000
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Trả trước người bán	126,390,086,131	126,390,086,131

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư với bên liên quan khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/03/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty con			
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Phải thu khác	18,372,583,257	18,393,448,694
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô	Phải thu khác	-	-
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Phải thu khác	-	-
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Phải thu khác	-	-
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Phải thu khác	75,086,560	75,086,560
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông	Phải thu khác	-	-
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Phải thu khác	-	-
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải thu khác	-	-
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác	1,929,686,382	1,929,686,382
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác	-	-
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu khác	24,180,283,813	24,180,283,813
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải thu khác	3,320,000,000	3,320,000,000
Công ty CP Sông Hồng Bình Tây	Phải thu khác	-	-
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải thu khác	8,747,653,581	8,747,653,581
Công ty con			
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Phải trả người bán	-	-
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Phải trả người bán	-	-
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Phải trả người bán	-	-
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Phải trả người bán	-	-
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Phải trả người bán	58,147,155,665	53,632,329,162
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải trả người bán	30,955,610,389	25,074,712,444
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Phải trả người bán	5,937,157,555	5,937,157,555
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải trả người bán	-	-
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	Phải trả người bán	18,041,860,622	18,041,860,622
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	Phải trả người bán	-	-
Công ty CP Thép Sông Hồng	Phải trả người bán	-	-
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải trả người bán	-	-
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải trả người bán	6,644,357,996	6,644,357,996
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải trả người bán	1,275,927,812	1,275,927,812

6.3 Thông tin khác

- (i) Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và đang ghi nhận khoản lợi nhuận tạm tính thu được từ dự án là 103,92 tỷ đồng trên chỉ tiêu Phải thu dài hạn khác tuy nhiên Dự án này chưa được quyết toán với bên hợp tác đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất – Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Ngày 03/05/2018, Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT về việc: Quyết toán diện tích phân chia thực tế Dự án và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản lợi nhuận ước tính trên là tương đối chính xác và chắc chắn thu được và theo đó các khoản điều chỉnh liên quan đến Dự án này sẽ chỉ được thực hiện khi có quyết toán cuối cùng với bên hợp tác đầu tư.

- (ii) Ngày 24/01/2017, Bộ Xây dựng đã có công văn số 153/BXD-QLDN về việc thoái vốn tại 8 công ty có vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, bao gồm: CTCP Sông Hồng Miền Trung, CTCP Bất động sản Hà Nội Sông Hồng, CTCP Đầu tư Thương mại và Xây dựng CTGT Hà Nội (trước đây là CTCP Sông Hồng 10), CTCP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô, CTCP Đầu tư địa ốc Sông Hồng, CTCP Năng lượng Sông Hồng, CTCP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng, CTCP Nhôm Sông Hồng. Đến hết tháng 06 năm 2018, Tổng Công ty đã bán đấu giá thành công số cổ phần thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô.

Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo số 221/TB-BXD ngày 06/06/2018 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng trong việc thoái vốn Nhà nước của Tổng Công ty Sông Hồng về mức 36% hoặc Bộ Xây dựng phải bán hết vốn Nhà nước vào năm 2018, tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, việc thoái vốn Nhà nước chưa hoàn thành. Ngày 05/03/2020 Bộ Kế hoạch đầu tư đã có Văn bản số 1418/BKHĐT-PTDN gửi Thủ tướng Chính phủ về việc hoàn thiện dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1232/QĐ-TTg, theo đó dự thảo thực hiện thoái vốn Nhà nước toàn bộ tại Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng đến hết 30/09/2020, nếu không hoàn thành thoái vốn thì chuyển giao về SCIC trước ngày 31/12/2020.

- (iii) Theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), giá trị hợp đồng thi công của Tổng Công ty cho hạng mục của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I là 1.315,8 tỷ đồng được giao toàn bộ cho Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 quản lý và thực hiện. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27/01/2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 khoảng 1.090 tỷ đồng. Đồng thời, ngày 14/03/2016, PVN đã có văn bản số 1429/QĐ-DKVN về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 là 33.576,29 tỷ đồng. Theo đó, giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 213,8 tỷ đồng so với hợp đồng đã ký. Đơn vị Tổng thầu đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, PVN đã chấp thuận điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án bao gồm giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc để thống nhất khối lượng mà Tổng Công ty đã thực hiện với đơn vị Tổng thầu.

6.4 Cam kết về đầu tư khác

- (iv) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 965/HTĐT/2014 ngày 18/07/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long về việc đầu tư Dự án Khu nhà ở Sông Hồng - Việt Trì 1 + 2 với tổng mức đầu tư là 95 tỷ đồng. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/2017/BBH-HĐQT ngày 08/03/2017 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 10/03/2017, Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long đã quyết định dừng hợp tác đầu tư dự án trên với Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng do gặp khó khăn về tài chính, hồ sơ pháp lý khu đất không đầy đủ do thế chấp ngân hàng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.
- (v) Theo biên bản làm việc ngày 10/03/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 đã thống nhất chủ trương thực hiện triển khai Dự án tại khu đất Ngõ 49 đường Hùng Vương, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc do Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 quản lý. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng 6) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Theo Công văn số 74/CV-SH6 ngày 20/12/2016 Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 đã đề nghị chấm dứt việc hợp tác

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất – Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

đầu tư dự án tại khu đất của Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 tại TP Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc do gặp khó khăn về tài chính. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.

- (vi) Liên danh Hợp tác đầu tư số 01/2018/HTĐT/SH-VMG ngày 22/03/2018 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng (Bên A) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex (Bên B) về việc thỏa thuận cùng góp thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở cho cán bộ của Nhà xuất bản chính trị Quốc gia. Tỷ lệ Bên A và Bên B tham gia góp vốn là 10% và 90%. Bên A đồng ý chuyển nhượng phần vốn đầu tư ban đầu của Bên A là 25 tỷ đồng. Sau ngày Bên B thanh toán cho Bên A, và khi Bên A chưa thực hiện nghĩa vụ góp vốn theo Hợp đồng liên danh, thì Bên B được coi là bên góp vốn duy nhất vào dự án và được hưởng toàn bộ các quyền, lợi ích phát sinh từ dự án.

6.5 Nợ phải trả và Nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản bảo lãnh

Tại thời điểm 31/03/2019, Tổng Công ty có các khoản nợ phải trả và nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản bảo lãnh cho các khoản vay Ngân hàng như sau:

- (vii) Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội v/v: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc (95,43 tỷ đồng) chưa thanh toán cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/06/2017).
- (viii) Tòa sơ thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 52/2018/TLST-KDTM và 53/2018/TLST-KDTM ngày 12/01/2018 của Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội v/v: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương và Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng theo cam kết bảo lãnh với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền là 85,5 tỷ đồng (nợ gốc 67,58 tỷ đồng; nợ lãi quá hạn tạm tính là 17,919 tỷ đồng).

6.6 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu của Tổng Công ty thuộc một bộ phận trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Khánh Hậu

Nguyễn Thị Nhung

Lã Tuấn Hưng